

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về cử cán bộ công chức, viên chức tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên năm 2017 (Đợt 1)**

### **GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 6253/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017;

Theo Kế hoạch số 13/KH-SNV ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Sở Nội vụ về tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên năm 2017;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Trưởng phòng Công chức, viên chức,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cử 352 Ông (Bà) có tên trong danh sách kèm theo tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên năm 2017, Đợt 1

- Thời gian bồi dưỡng: 04 tháng.

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố.

**Điều 2.** Cán bộ, công chức, viên chức có tên trong danh sách dự lễ khai giảng và nhập học vào thời gian cụ thể như sau:

- Lớp TL1: Học vào các ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần, khai giảng và nhập học vào lúc 08 giờ 00, ngày 07 tháng 3 năm 2017, tại Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức ngoại giao và ngoại ngữ (CEFALT), số 87 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3.

- Lớp TC1: Học vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu hàng tuần, khai giảng và nhập học vào lúc 08 giờ 00, ngày 08 tháng 3 năm 2017, tại Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức ngoại giao và ngoại ngữ (CEFALT), số 87 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3.

- Lớp NC1: Học vào các tối thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu hàng tuần, khai giảng và nhập học vào lúc 17 giờ 30, ngày 08 tháng 3 năm 2017, tại Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức ngoại giao và ngoại ngữ (CEFALT), số 87 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3.

- Lớp B1: Học vào các ngày thứ Sáu và thứ Bảy hàng tuần, khai giảng và nhập học vào lúc 08 giờ 00, ngày 10 tháng 3 năm 2017, tại Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trường Tộ, Số 02, Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, Quận 1.

**Điều 3.** Giao Cơ sở Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức lớp đạt hiệu quả; xét duyệt chuyển lớp cho học viên trên cơ sở công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị; đánh giá chất lượng bồi dưỡng theo quy định của Bộ Nội vụ tại Công văn số 4524/BNV-ĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014.

**Điều 4.** Các Ông (Bà) có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 và cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức đi học có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành theo Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2013. Đối với các trường hợp học viên có tên trong danh sách nhưng không tham dự lớp, các cơ quan đơn vị phải có văn bản báo cáo nêu rõ lý do và gửi về Sở Nội vụ trước ngày khai giảng. Sau ngày khai giảng, Sở Nội vụ không giải quyết nghỉ học cho học viên. Học viên nghỉ học phải đền bù kinh phí đào tạo theo quy định.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Sở Nội vụ, Trưởng phòng Công chức, viên chức, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các Ông (Bà) có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Cơ sở Trường ĐHNV Hà Nội tại TP.HCM (để phối hợp thực hiện);
- Giám đốc Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Lưu: VT, P. CCVC, T. 

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC**



**Lê Hoài Trung**

SỞ NỘI VỤ

SỞ NỘI VỤ

**DANH SÁCH THAM DỰ LỚP BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC  
CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN VIÊN NĂM 2017 (ĐỢT 1)**

(Kèm theo Quyết định số 4043 /QĐ-SNV ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Sở Nội vụ)

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                   | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|-------------------|-----------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                        |                       |        |                   |                                   | TL1             | TC1 | NC1 | BI |
| 1   | Liên Thanh Lân         | 8/11/1969             |        | Tổ trưởng         | Đội Quản lý Trật tự đô thị Quận 1 |                 |     |     | X  |
| 2   | Trần Võ Thế Dũng       | 4/6/1986              |        | Tổ phó            | Đội Quản lý Trật tự đô thị Quận 1 |                 |     |     | X  |
| 3   | Nguyễn Phạm Huy Chương | 8/3/1976              |        | Nhân viên         | Đội Quản lý Trật tự đô thị Quận 1 |                 |     |     | X  |
| 4   | Nguyễn Trương Tấn Lợi  | 24/9/1988             |        | Chuyên viên       | Phòng Kinh tế Quận 1              |                 |     | X   |    |
| 5   | Huỳnh Thiện Tâm        | 1990                  | X      | Tư pháp - Hộ tịch | UBND Phường 9 - Quận 3            |                 |     | X   |    |
| 6   | Đào Thị Thanh Thảo     | 13/10/1985            | X      | Chuyên viên       | Phòng LĐTBXH - Quận 3             |                 |     | X   |    |
| 7   | Nguyễn Thị Kim Thi     | 24/6/1985             | X      | Chuyên viên       | Phòng LĐTBXH - Quận 3             |                 |     | X   |    |
| 8   | Nguyễn Thị Kim Thu     | 25/10/1976            | X      | Chuyên viên       | Phòng LĐTBXH - Quận 3             |                 |     | X   |    |



| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                            | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                        |                       |        |                  |                                                            | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 9   | Hoàng Quốc Huy         | 1981                  |        | Chuyên viên      | Phòng Giáo dục và Đào tạo - Quận 3                         | X               |     |     |    |
| 10  | Nguyễn Thị Ngọc Nhung  | 18/11/1979            | X      | Chuyên viên      | Văn phòng HĐND và UBND Quận 4                              |                 |     | X   |    |
| 11  | Trương Thị Bích Liên   | 21/9/1977             | X      | Chuyên viên      | Phòng Nội vụ Quận 4                                        |                 |     |     | X  |
| 12  | Đinh Thị Huệ           | 08/8/1989             | X      | Chuyên viên      | Ban Bồi thường GPMB Quận 4                                 |                 |     |     | X  |
| 13  | Nguyễn Hữu Minh        | 10/7/1960             |        | Chuyên viên      | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4                           |                 |     |     | X  |
| 14  | Bùi Thanh Hải          | 9/9/1975              |        | Phó Trưởng phòng | Phòng Quản lý đô thị Quận 4                                |                 |     | X   |    |
| 15  | Lưu Tuấn Thành         | 23/4/1985             |        | Cán sự           | Phòng Quản lý đô thị Quận 4                                |                 |     | X   |    |
| 16  | Nguyễn Thuý Trang Đài  | 24/05/1989            | X      | Chuyên viên      | Phòng Tài Chính và Kế hoạch Quận 4                         |                 |     |     | X  |
| 17  | Nguyễn Thị Phương Dung | 22/01/1983            | X      | Chuyên viên      | Phòng Tài Chính và Kế hoạch Quận 4                         |                 |     |     | X  |
| 18  | Lê Thị Lan Hương       | 28/9/1976             | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm Y tế dự phòng Quận 4 |                 |     |     | X  |
| 19  | Nguyễn Anh Tuấn        | 25/09/1980            |        | Văn hoá - Xã hội | UBND Phường 1 - Quận 4                                     |                 |     |     | X  |

| STT | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                                     | Đơn vị công tác                    | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|--------------------|-----------------------|--------|---------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                    |                       |        |                                             |                                    | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 20  | Lê Hữu Bình        | 26/08/1979            |        | Tài chính - Kế toán                         | UBND Phường 3 - Quận 4             |                 |     |     | X  |
| 21  | Võ Thu Nghĩa       | 01/10/1978            | X      | Phó Chủ tịch UBND                           | UBND Phường 3 - Quận 4             |                 |     | X   |    |
| 22  | Nguyễn Huy Phong   | 18/10/1974            |        | Chủ tịch UBND                               | UBND Phường 8 - Quận 4             |                 |     | X   |    |
| 23  | Trần Thị Cẩm Nhung | 18/8/1984             | X      | Phó Chủ tịch UBND                           | UBND Phường 8 - Quận 4             |                 |     | X   |    |
| 24  | Nguyễn Thanh Bình  | 24/5/1983             |        | Phó Chủ tịch UBND                           | UBND Phường 18 - Quận 4            | X               |     |     |    |
| 25  | Lê Bình            | 30/9/1958             |        | Hiệu trưởng                                 | Trường THCS Khánh Hội A - Quận 4   |                 |     |     | X  |
| 26  | Lê Thanh Phương    | 7/5/1984              | X      | Hiệu trưởng                                 | Trường Mầm Non 9 - Quận 4          |                 |     |     | X  |
| 27  | Lê Thị Mai Trâm    | 24/02/1985            | X      | Văn Phòng - Thống Kê                        | Ủy ban nhân dân Phường 4 - Quận 5  |                 | X   |     |    |
| 28  | Trần Công Thành    | 24/12/1980            |        | Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường | Ủy ban nhân dân Phường 9 - Quận 5  |                 |     | X   |    |
| 29  | Lê Thị Thanh Hiền  | 29/3/1979             | X      | Phó Chủ tịch UBND                           | Ủy ban nhân dân phường 14 - Quận 6 | X               |     |     |    |
| 30  | Nguyễn Huy Thông   | 20/8/1967             |        | Chuyên viên                                 | Phòng GDĐT - Quận 10               |                 |     |     | X  |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|-------------------|--------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                      |                       |        |                   |                                | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 31  | Nguyễn Kim Phương    | 7/3/1979              | X      | Chuyên viên       | Phòng GDDT - Quận 10           |                 |     |     | X  |
| 32  | Đặng Thị Tuyết Lan   | 14/12/1976            | X      | Chuyên viên       | Phòng GDDT - Quận 10           |                 |     |     | X  |
| 33  | Trương Thị Minh Hạnh | 31/5/1984             | X      | Phó Chủ tịch UBND | UBND Phường 2 - Quận 10        |                 |     |     | X  |
| 34  | Nguyễn Lan Hương     | 12/11/1971            | X      | Chuyên viên       | Thanh tra Quận 10              |                 |     |     | X  |
| 35  | Phan Thành Long      | 04/12/1977            |        | Chánh Thanh tra   | Thanh tra Quận 11              | X               |     |     |    |
| 36  | Lê Thị Phương Thảo   | 20/5/1989             | X      | Chuyên viên       | Văn phòng HĐND và UBND Quận 11 |                 |     |     | X  |
| 37  | Nguyễn Xuân Toàn     | 9/3/1989              |        | Chuyên viên       | Văn phòng HĐND và UBND Quận 11 |                 |     |     | X  |
| 38  | Trần Thị Liên        | 21/11/1981            | X      | Chuyên viên       | Phòng LĐTBXH - Quận 11         |                 |     |     | X  |
| 39  | Nguyễn Thị Mỹ Linh   | 19/2/1988             | X      | Cán sự            | Phòng QLĐT - Quận 11           |                 |     | X   |    |
| 40  | Nguyễn Trọng Tâm     | 22/11/1983            |        | Chuyên viên       | Phòng QLĐT - Quận 11           |                 |     | X   |    |
| 41  | Trần Thanh Phương    | 04/01/1978            |        | Nhân viên         | Bệnh viện Quận 11              |                 | X   |     |    |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ              | Đơn vị công tác                          | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|----------------------|------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |                      |                                          | TL1             | TC1 | NC1 | BI |
| 42  | Lê Thị Ngọc Phượng    | 01/6/1978             | X      | Văn Phòng - Thống Kê | UBND Phường 5 - Quận 11                  |                 |     | X   |    |
| 43  | Nguyễn Thị Huyền Trâm | 01/01/1979            | X      | Văn hoá - Xã hội     | UBND Phường 12 - Quận 11                 |                 |     |     | X  |
| 44  | Nguyễn Thị Kim Nguyệt | 08/5/1981             | X      | Tư pháp - Hộ tịch    | UBND Phường 13 - Quận 11                 | X               |     |     |    |
| 45  | Đặng Thị Bích Thủy    | 20/10/1978            | X      | Văn Phòng - Thống Kê | UBND Phường 13 - Quận 11                 |                 | X   |     |    |
| 46  | Mai Phạm Duy          | 1988                  |        | Chuyên viên          | Thanh tra Quận 12                        | X               |     |     |    |
| 47  | Cao Thị Thu Thủy      | 1979                  | X      | Chuyên viên          | Phòng Tài nguyên và Môi trường - Quận 12 |                 | X   |     |    |
| 48  | Đặng Mỹ Tiên          | 1987                  | X      | Chuyên viên          | Phòng Tài nguyên và Môi trường - Quận 12 | X               |     |     |    |
| 49  | Huỳnh Quốc Khánh      | 1981                  |        | Chuyên viên          | Phòng Tài nguyên và Môi trường - Quận 12 |                 | X   |     |    |
| 50  | Lương Quốc Minh       | 1966                  |        | Chuyên viên          | Phòng Tài nguyên và Môi trường - Quận 12 | X               |     |     |    |
| 51  | Phạm Lê Vạn Tín       | 1985                  |        | Chuyên viên          | Phòng Tài nguyên và Môi trường - Quận 12 |                 | X   |     |    |
| 52  | Phan Phương Bình      | 1980                  |        | Phó Trưởng phòng     | Phòng Tài nguyên và Môi trường - Quận 12 | X               |     |     |    |

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                  | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|---------------------|-----------------------|--------|--------------|--------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                     |                       |        |              |                                                  | TL1             | TCL | NC1 | B1 |
| 53  | Trần Thị Xuân Hoa   | 1982                  | X      | Chuyên viên  | Phòng Tài nguyên và Môi trường - Quận 12         |                 | X   |     |    |
| 54  | Vũ Hoàng Lương      | 1986                  |        | Chuyên viên  | Phòng Tài nguyên và Môi trường - Quận 12         | X               |     |     |    |
| 55  | Trần Vũ Bảo Ngọc    | 1990                  |        | Chuyên viên  | Phòng Văn hoá và Thông tin - Quận 12             |                 | X   |     |    |
| 56  | Nguyễn Lê Phú Quý   | 1971                  |        | Cán sự       | Phòng Quản lý đô thị - Quận 12                   | X               |     |     |    |
| 57  | Phan Hồng Minh      | 1979                  |        | Cán sự       | Phòng Quản lý đô thị - Quận 12                   |                 | X   |     |    |
| 58  | Nguyễn Ngọc Cường   | 1980                  |        | Cán sự       | Phòng Quản lý đô thị - Quận 12                   | X               |     |     |    |
| 59  | Nguyễn Thanh Phương | 1975                  |        | Cán sự       | Phòng Quản lý đô thị - Quận 12                   |                 | X   |     |    |
| 60  | Nguyễn Hương Hoa    | 1983                  | X      | Kế toán viên | Phòng Giáo dục và Đào tạo - Quận 12              | X               |     |     |    |
| 61  | Trần Thị Trung      | 1963                  | X      | Trưởng phòng | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội - Quận 12 |                 | X   |     |    |
| 62  | Hoàng Thị Tô Hoài   | 1984                  | X      | Chuyên viên  | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội - Quận 12 | X               |     |     |    |



| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                                         | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|-------------------|---------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                      |                       |        |                   |                                                         | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 63  | Nguyễn Thị Ngọc Dung | 1978                  | X      | Chuyên viên       | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội - Quận 12        |                 | X   |     |    |
| 64  | Nhan Tô Tài          | 1970                  |        | Giám đốc          | Bệnh viện Quận 12                                       |                 | X   |     |    |
| 65  | Trần Thị Thúy Vân    | 1987                  | X      | Phó Trưởng phòng  | Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị - Bệnh viện Quận 12 | X               |     |     |    |
| 66  | Đỗ Phan Minh Khanh   | 18/02/1984            | X      | Chuyên viên       | Phòng Kinh tế Quận Bình Thạnh                           | X               |     |     |    |
| 67  | Trần Thị Hiếu        | 27/01/1981            | X      | Chuyên viên       | Phòng Kinh tế Quận Bình Thạnh                           |                 | X   |     |    |
| 68  | Nguyễn Đức Tiến      | 1/6/1971              |        | Phó Trưởng phòng  | Phòng VH TT Quận Bình Thạnh                             | X               |     |     |    |
| 69  | Nguyễn Lê Quan Vinh  | 07/10/1984            |        | Chuyên viên       | Phòng Tư pháp Quận Bình Thạnh                           |                 | X   |     |    |
| 70  | Trần Nhật Chiến      | 1/1/1974              |        | Chuyên viên       | Phòng Quản lý đô thị Quận Bình Thạnh                    | X               |     |     |    |
| 71  | Nguyễn Bùi Việt Dũng | 2/12/1985             |        | Chuyên viên       | Phòng Quản lý đô thị Quận Bình Thạnh                    |                 | X   |     |    |
| 72  | Phạm Phương Khanh    | 11/9/1982             | X      | Phó Chủ tịch UBND | UBND Phường 5 - Quận Bình Thạnh                         |                 |     | X   |    |
| 73  | Nguyễn Vũ Hoàng      | 3/4/1979              |        | Văn hoá - Xã hội  | UBND Phường 5 - Quận Bình Thạnh                         |                 |     | X   |    |

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                                     | Đơn vị công tác                  | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|---------------------|-----------------------|--------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                     |                       |        |                                             |                                  | TL1             | TCl | NC1 | B1 |
| 74  | Lê Mộng Thu Hương   | 7/8/1981              | X      | Tư pháp - Hộ tịch                           | UBND Phường 12 - Quận Bình Thạnh |                 |     | X   |    |
| 75  | Trần Nhật Kiều Thảo | 22/2/1975             | X      | Phó Chủ tịch UBND                           | UBND Phường 14 - Quận Bình Thạnh | X               |     |     |    |
| 76  | Huỳnh Hiệp Hoa      | 19/01/1971            |        | Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường | UBND Phường 14 - Quận Bình Thạnh |                 | X   |     |    |
| 77  | Đỗ Hữu Hùng         | 11/1/1977             |        | Phó Chủ tịch UBND                           | UBND Phường 19 - Quận Bình Thạnh |                 |     |     | X  |
| 78  | Nguyễn Quốc Trung   | 10/5/1971             |        | Chủ tịch UBND                               | UBND Phường 24 - Quận Bình Thạnh |                 | X   |     |    |
| 79  | Lư Hồng Anh Thư     | 3/1/1970              |        | Hiệu trưởng                                 | Mầm non 1 - Quận Bình Thạnh      | X               |     |     |    |
| 80  | Nguyễn Thủy Tiên    | 20/11/1972            | X      | Hiệu trưởng                                 | Mầm Non 2 - Quận Bình Thạnh      |                 |     | X   |    |
| 81  | Cao Thị Mai Loan    | 9/4/1964              | X      | Hiệu trưởng                                 | Mầm non 5 - Quận Bình Thạnh      | X               |     |     |    |
| 82  | Cù Thị Quỳnh Giao   | 14/3/1973             | X      | Hiệu trưởng                                 | Mầm non 7B - Quận Bình Thạnh     |                 | X   |     |    |
| 83  | Phạm Thị Minh Huyền | 24/7/1977             | X      | Hiệu trưởng                                 | Mầm non 12 - Quận Bình Thạnh     | X               |     |     |    |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ     | Đơn vị công tác                   | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|-------------|-----------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |             |                                   | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 84  | Phạm Thị Lựu          | 15/01/1970            | X      | Hiệu trưởng | Mầm non 15B - Quận Bình Thạnh     |                 | X   |     |    |
| 85  | Nguyễn Thị Hồng Hạnh  | 07/6/1978             | X      | Hiệu trưởng | Mầm non 24A - Quận Bình Thạnh     | X               |     |     |    |
| 86  | Nguyễn Phương Bình    | 15/8/1979             | X      | Hiệu trưởng | Mầm non 24B - Quận Bình Thạnh     |                 | X   |     |    |
| 87  | Huỳnh Thị Ngọc Vinh   | 03/09/1971            | X      | Hiệu trưởng | Mầm Non 25A - Quận Bình Thạnh     | X               |     |     |    |
| 88  | Nguyễn Thanh Tuyền    | 20/08/1973            | X      | Hiệu trưởng | Mầm Non 26 - Quận Bình Thạnh      |                 | X   |     |    |
| 89  | Nguyễn Thị Nguyệt Nga | 10/11/1973            | X      | Hiệu trưởng | TH Tô Vĩnh Diện - Quận Bình Thạnh | X               |     |     |    |
| 90  | Trần Tuấn Huy         | 14/12/1965            |        | Hiệu trưởng | TH Lam Sơn - Quận Bình Thạnh      |                 | X   |     |    |
| 91  | Võ Thị Kim Liên       | 25/03/1964            | X      | Hiệu trưởng | TH Hà Huy Tập - Quận Bình Thạnh   | X               |     |     |    |
| 92  | Võ Thị Thu Thủy       | 30/4/1976             | X      | Hiệu trưởng | TH Phan Văn Trị - Quận Bình Thạnh |                 | X   |     |    |
| 93  | Phạm Lê Hiền          | 04/11/1978            | X      | Hiệu trưởng | TH Bình Hòa - Quận Bình Thạnh     | X               |     |     |    |

49

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                    | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|----------------------|-----------------------|---------------|------------------|------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                      |                       |               |                  |                                    | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 94  | Phạm Thị Thanh Hào   | 05/10/1973            | X             | Hiệu trưởng      | TH Phú Đồng - Quận Bình Thạnh      |                 | X   |     |    |
| 95  | Lê Văn Mỹ            | 25/6/1961             |               | Hiệu trưởng      | TH Bạch Đằng - Quận Bình Thạnh     | X               |     |     |    |
| 96  | Trần Thị Thúy Phương | 19/05/1970            | X             | Hiệu trưởng      | TH Tầm Vu - Quận Bình Thạnh        |                 | X   |     |    |
| 97  | Nguyễn Thị Lệ        | 20/04/1970            | X             | Hiệu trưởng      | TH Thanh Đa - Quận Bình Thạnh      | X               |     |     |    |
| 98  | Tô Hữu Cường         | 03/11/1970            |               | Hiệu trưởng      | TH Bình Quới Tây - Quận Bình Thạnh |                 | X   |     |    |
| 99  | Nguyễn Thanh Phương  | 14/7/1978             |               | Cán sự           | Phòng Quản lý đô thị Quận Bình Tân |                 |     |     | X  |
| 100 | Hoàng Thanh Sương    | 20/7/1983             |               | Phó Trưởng phòng | Phòng Tư pháp Quận Gò Vấp          |                 | X   |     |    |
| 101 | Trần Lệ Nhu          | 17/7/1980             | X             | Chuyên viên      | Phòng Tư pháp Quận Gò Vấp          |                 |     |     | X  |
| 102 | Nguyễn Thị Mỹ Trang  | 06/5/1979             | X             | Chuyên viên      | Phòng Quản lý - Đô thị Quận Gò Vấp |                 |     | X   |    |
| 103 | Nguyễn Thị Cúc       | 02/9/1976             | X             | Chuyên viên      | Phòng Quản lý - Đô thị Quận Gò Vấp |                 |     | X   |    |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                    | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|-------------------|------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                        |                       |        |                   |                                    | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 104 | Đặng Thị Ngọc Hân      | 6/12/1978             | X      | Chuyên viên       | Phòng Quản lý - Đô thị Quận Gò Vấp | X               |     |     |    |
| 105 | Lý Minh Tú             | 22/9/1980             |        | Chuyên viên       | Phòng Quản lý - Đô thị Quận Gò Vấp |                 |     | X   |    |
| 106 | Trần Tuấn              | 04/4/1974             |        | Chuyên viên       | Phòng Quản lý - Đô thị Quận Gò Vấp |                 |     | X   |    |
| 107 | Mai Xuân Đăng          | 22/9/1980             |        | Chuyên viên       | Phòng Quản lý - Đô thị Quận Gò Vấp |                 | X   |     |    |
| 108 | Thân Thị Hồng Yến      | 1/12/1982             | X      | Chủ tịch UBND     | UBND phường 1 - Quận Gò Vấp        |                 |     |     | X  |
| 109 | Vũ Nam Hưng            | 02/9/1975             |        | Phó Chủ tịch HĐND | UBND phường 1 - Quận Gò Vấp        |                 |     |     | X  |
| 110 | Nguyễn Thị Thanh Thủy  | 11/12/1970            | X      | Văn hoá - Xã hội  | UBND phường 1 - Quận Gò Vấp        |                 |     | X   |    |
| 111 | Lê Thị Thanh Trâm      | 9/4/1982              | X      | Văn hoá - Xã hội  | UBND Phường 9 - Quận Gò Vấp        |                 |     |     | X  |
| 112 | Nguyễn Phương Tường An | 28/11/1973            | X      | Tư pháp - Hộ tịch | UBND Phường 10 - Quận Gò Vấp       |                 |     |     | X  |
| 113 | Trịnh Ngân Hà          | 15/5/1984             | X      | Phó Chủ tịch UBND | UBND phường 17 - Quận Gò Vấp       | X               |     |     |    |
| 114 | Đinh Mạnh Dũng         | 28/10/1986            |        | Phó Chủ tịch HĐND | UBND phường 17 - Quận Gò Vấp       |                 |     |     | X  |

| STT | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                               | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-------------------------|-----------------------|--------|------------------|-----------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                         |                       |        |                  |                                               | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 115 | Ngô Thị Cẩm Lệ          | 10/2/1986             | X      | Chuyên viên      | Văn phòng HDND & UBND Quận Gò Vấp             |                 | X   |     |    |
| 116 | Đào Minh Cảnh           | 26/1/1978             |        | Phó Trưởng phòng | Phòng Văn hóa và Thông tin Quận Phú Nhuận     | X               |     |     |    |
| 117 | Lê Thị Trúc Phương      | 13/6/1973             | X      | Chuyên viên      | Phòng LĐTB&XH Quận Phú Nhuận                  |                 | X   |     |    |
| 118 | Cao Nguyễn Thanh Phương | 16/9/1983             | X      | Chuyên viên      | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Phú Nhuận      |                 |     |     | X  |
| 119 | Nguyễn Thị Thanh Huyền  | 16/9/1988             | X      | Chuyên viên      | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Phú Nhuận      |                 |     |     | X  |
| 120 | Trần Quốc Bảo           | 13/7/1988             |        | Cán sự           | Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận Phú Nhuận | X               |     |     |    |
| 121 | Tăng Ngọc Bảo Trâm      | 2/4/1990              | X      | Chuyên viên      | Phòng Nội vụ Quận Phú Nhuận                   |                 | X   |     |    |
| 122 | Võ Duy Phương           | 12/12/1984            |        | Chuyên viên      | Phòng Nội vụ Quận Phú Nhuận                   | X               |     |     |    |
| 123 | Trương Thị Tường Vy     | 29/8/1992             | X      | Chuyên viên      | Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận Phú Nhuận     |                 |     | X   |    |
| 124 | Nguyễn Thị Xinh         | 15/8/1987             | X      | Chuyên viên      | Phòng Y tế Quận Phú Nhuận                     |                 | X   |     |    |
| 125 | Nguyễn Huỳnh Quang Nhật | 5/10/1986             |        | Chuyên viên      | Văn phòng UBND Quận Phú Nhuận                 |                 |     | X   |    |



| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ              | Đơn vị công tác                                             | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|----------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                      |                       |        |                      |                                                             | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 126 | Thái Thụy Thanh Tâm  | 14/8/1979             | X      | Phó Trưởng phòng     | Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm YTDP - Quận Phú Nhuận | X               |     |     |    |
| 127 | Dương Thị Thiên Nga  | 18/12/1991            | X      | Chuyên viên          | Trung tâm YTDP - Quận Phú Nhuận                             |                 | X   |     |    |
| 128 | Trần Đức Minh        | 1/12/1993             |        | Chuyên viên          | Trung tâm YTDP - Quận Phú Nhuận                             | X               |     |     |    |
| 129 | Hồ Thị Thiên Nga     | 13/2/1989             | X      | Chuyên viên          | Bệnh viện quận - Quận Phú Nhuận                             |                 |     |     | X  |
| 130 | Nguyễn Thị Quý       | 23/2/1983             | X      | Chuyên viên          | Bệnh viện quận - Quận Phú Nhuận                             |                 |     |     | X  |
| 131 | Nguyễn Thị Ngọc Hiếu | 6/5/1977              | X      | Tư pháp - Hộ tịch    | UBND Phường 3 - Quận Phú Nhuận                              |                 |     | X   |    |
| 132 | Nguyễn Thị Trâm Thy  | 2/8/1990              | X      | Văn Phòng - Thống Kê | UBND Phường 3 - Quận Phú Nhuận                              |                 |     | X   |    |
| 133 | Nguyễn Thành Tín     | 28/7/1989             |        | Tư pháp - Hộ tịch    | UBND Phường 11 - Quận Phú Nhuận                             |                 |     | X   |    |
| 134 | Nguyễn Văn Quang     | 20/11/1977            |        | ĐC XDĐTMT            | UBND Phường 11 - Quận Phú Nhuận                             |                 |     | X   |    |
| 135 | Nguyễn Thị Mỹ Hồng   | 3/8/1985              | X      | Văn Phòng - Thống Kê | UBND Phường 14 - Quận Phú Nhuận                             |                 | X   |     |    |
| 136 | Bé Thị Kim Ngân      | 6/11/1983             | X      | Tư pháp - Hộ tịch    | UBND Phường 14 - Quận Phú Nhuận                             | X               |     |     |    |

123

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ              | Đơn vị công tác                                     | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|----------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |                      |                                                     | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 137 | Trịnh Huy Hiền        | 16/9/1988             |        | Chuyên viên          | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Tân Bình             |                 |     | X   |    |
| 138 | Thái Hồ Kim Phụng     | 1/4/1991              | X      | Chuyên viên          | Phòng Văn hóa và Thông tin Quận Tân Bình            |                 |     |     | X  |
| 139 | Lâm Mạnh Cường        | 16/7/1985             |        | Chuyên viên          | Phòng Quản lý đô thị Quận Tân Bình                  |                 |     | X   |    |
| 140 | Nguyễn Thị Anh Đào    | 15/7/1984             | X      | Văn Phòng - Thống Kê | UBND Phường 1 - Quận Tân Bình                       |                 | X   |     |    |
| 141 | Nguyễn Diễm Ly        | 20/01/1988            | X      | Tư pháp - Hộ tịch    | UBND Phường 7 - Quận Tân Bình                       |                 |     | X   |    |
| 142 | Bùi Thị Thùy Đăng     | 27/08/1987            | X      | Văn Phòng - Thống Kê | UBND Phường 10 - Quận Tân Bình                      |                 |     | X   |    |
| 143 | Lê Thiện Thanh Tuấn   | 13/7/1989             |        | Chuyên viên cao đẳng | Phòng Nội vụ quận Tân Phú                           | X               |     |     |    |
| 144 | Vũ Ngọc Dung          | 16/12/1984            | X      | Chuyên viên          | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Tân Phú |                 | X   |     |    |
| 145 | Thái Thụy Thương Hoài | 1/3/1979              | X      | Chuyên viên          | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Tân Phú | X               |     |     |    |
| 146 | Trần Thị Thanh Vy     | 29/3/1991             | X      | Chuyên viên          | Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Phú             |                 |     |     | X  |
| 147 | Tạ Tuấn Anh           | 10/12/1990            |        | Chuyên viên          | Phòng Quản lý đô thị quận Tân Phú                   |                 |     |     | X  |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                            | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|-------------------|--------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |                   |                                            | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 148 | Lương Quang Nhật Minh | 10/1/1990             |        | Chuyên viên       | Phòng Quản lý đô thị quận Tân Phú          |                 |     |     | X  |
| 149 | Lê Thị Thu Sương      | 30/12/1985            | X      | Phó Chủ tịch HĐND | UBND phường Tân Thới Hòa quận Tân Phú      |                 | X   |     |    |
| 150 | Nguyễn Thị Ngọc Tuyết | 4/11/1986             | X      | Phó Chủ tịch HĐND | UBND phường Phú Trung quận Tân Phú         | X               |     |     |    |
| 151 | Nguyễn Văn Tiến       | 01/01/1964            |        | Giám đốc          | Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú       |                 | X   |     |    |
| 152 | Vũ Ngọc Khánh Vân     | 08/07/1989            | X      | Chuyên viên       | Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú       |                 |     |     | X  |
| 153 | Luyện Sỹ Ninh         | 20/11/1975            |        | Giám đốc          | Trung tâm KTTT - hướng nghiệp quận Tân Phú | X               |     |     |    |
| 154 | Trần Thị Năm          | 01/11/1963            | X      | Hiệu trưởng       | Trường MN Hoa Hồng quận Tân Phú            |                 | X   |     |    |
| 155 | Dương Hoàng Tuấn      | 21/02/1973            |        | Trưởng phòng      | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Thủ Đức     |                 |     |     | X  |
| 156 | Võ Hùng Minh          | 14/05/1979            |        | Chuyên viên       | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Thủ Đức     | X               |     |     |    |
| 157 | Nguyễn Thanh Tây      | 30/4/1988             |        | Chuyên viên       | Phòng Kinh tế Quận Thủ Đức                 |                 |     |     | X  |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                                     | Đơn vị công tác                              | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|---------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                        |                       |        |                                             |                                              | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 158 | Nguyễn Lê Phương Nhung | 21/12/1984            | X      | Tư pháp - Hộ tịch                           | UBND phường Tam Phú - Quận Thủ Đức           |                 |     |     | X  |
| 159 | Đỗ Thị Cẩm Ngân        | 12/3/1982             | X      | Văn Phòng - Thống kê                        | UBND phường Tam Phú - Quận Thủ Đức           |                 |     |     | X  |
| 160 | Nguyễn Thị Mộng Loan   | 01/9/1979             | X      | Văn Phòng - Thống kê                        | UBND phường Tam Phú - Quận Thủ Đức           |                 |     |     | X  |
| 161 | Nguyễn Thị Thu Lan     | 22/10/1980            | X      | Tài chính - Kế toán                         | UBND phường Tam Phú - Quận Thủ Đức           |                 |     |     | X  |
| 162 | Phạm Thanh Phương      | 09/4/1979             |        | Phó Chủ tịch UBND                           | UBND phường Linh Tây - Quận Thủ Đức          |                 | X   |     |    |
| 163 | Phạm Nguyễn Huy An     | 24/8/1992             | X      | Tư pháp - Hộ tịch                           | UBND phường Linh Tây - Quận Thủ Đức          | X               |     |     |    |
| 164 | Nguyễn Thanh Hiền      | 23/5/1979             | X      | Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường | UBND phường Linh Tây - Quận Thủ Đức          |                 | X   |     |    |
| 165 | Trần Thành Đạt         | 25/06/1989            |        | Chuyên viên                                 | Phòng Tài nguyên và Môi trường, Quận Thủ Đức |                 |     |     | X  |
| 166 | Đặng Thị Thùy Dương    | 18/07/1982            | X      | Chuyên viên                                 | Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận Thủ Đức  |                 |     |     | X  |
| 167 | Nguyễn Duy Khang       | 20/10/1991            |        | Chuyên viên                                 | Phòng Quản lý đô thị Quận Thủ Đức            | X               |     |     |    |

| STT | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                                     | Đơn vị công tác                        | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-------------------------|-----------------------|--------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                         |                       |        |                                             |                                        | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 168 | Đào Đặng Trường Tín     | 3/11/1984             |        | Chuyên viên                                 | Phòng Quản lý đô thị Quận Thủ Đức      |                 | X   |     |    |
| 169 | Nguyễn Phước            | 20/7/1988             |        | Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường | UBND phường Linh Trung - Quận Thủ Đức  | X               |     |     |    |
| 170 | Nguyễn Xuân Nguyên      | 7/2/1971              |        | Hiệu trưởng                                 | Trường TH Thái Văn Lung - Quận Thủ Đức |                 |     |     | X  |
| 171 | Nguyễn Mai Phương       | 14/2/1981             | X      | Hiệu trưởng                                 | Trường Mầm non Sen Hồng - Quận Thủ Đức |                 | X   |     |    |
| 172 | Nguyễn Hải Phòng        | 20/7/1987             |        | Văn hoá - Xã hội                            | UBND phường Linh Chiểu - Quận Thủ Đức  |                 |     |     | X  |
| 173 | Nguyễn Thị Minh Tâm     | 6/2/1983              | X      | Tài chính - Kế toán                         | UBND phường Linh Chiểu - Quận Thủ Đức  |                 |     |     | X  |
| 174 | Nguyễn Thị Bích Liên    | 11/10/1982            | X      | Chuyên viên                                 | Phòng Tư pháp Quận Thủ Đức             |                 |     |     | X  |
| 175 | Trần Thị Hồng Cúc       | 16/11/1988            | X      | Văn Phòng - Thống kê                        | UBND Xã An Phú Tây - Huyện Bình Chánh  |                 |     |     | X  |
| 176 | Nguyễn Thủy Phương Thùy | 06/11/1985            | X      | Văn Phòng - Thống kê                        | UBND xã Tân Nhựt - Huyện Bình Chánh    |                 | X   |     |    |
| 177 | Nguyễn Tuyết Hồng       | 21/7/1985             | X      | Tư pháp - Hộ tịch                           | UBND xã Tân Nhựt - Huyện Bình Chánh    | X               |     |     |    |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ              | Đơn vị công tác                         | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|----------------------|-----------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                        |                       |        |                      |                                         | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 178 | Nguyễn Thị Bích Hằng   | 1978                  | X      | Tài chính - Kế toán  | UBND xã Phong Phú - Huyện Bình Chánh    |                 | X   |     |    |
| 179 | Nguyễn Mộng Thùy Dương | 03/8/1985             | X      | Văn Phòng - Thống Kê | UBND xã Đa Phước - Huyện Bình Chánh     |                 |     | X   |    |
| 180 | Phạm Duy Tân           | 08/10/1983            |        | Văn hoá - Xã hội     | UBND xã Đa Phước - Huyện Bình Chánh     |                 |     | X   |    |
| 181 | Lâm Thanh Vũ           | 31/12/1976            |        | Văn hoá - Xã hội     | UBND xã Bình Hưng - Huyện Bình Chánh    |                 |     |     | X  |
| 182 | Nguyễn Thị Thanh Vân   | 23/01/1984            | X      | Văn Phòng - Thống Kê | UBND Xã Phạm Văn Hai - Huyện Bình Chánh | X               |     |     |    |
| 183 | Phan Hữu Định          | 25/11/1985            |        | Chuyên viên          | VP.HUBND & UBND Huyện Bình Chánh        |                 |     |     | X  |
| 184 | Nguyễn Thị Kim Hồng    | 03/6/1981             | X      | Chuyên viên          | VP.HUBND & UBND Huyện Bình Chánh        |                 | X   |     |    |
| 185 | Lê Thị Hoài Phương     | 1979                  | X      | Chuyên viên          | Phòng QLĐT Huyện Bình Chánh             | X               |     |     |    |
| 186 | Nguyễn Tiến Sơn        | 1977                  |        | Cán sự               | Đội QLTTĐT - Huyện Bình Chánh           |                 |     |     | X  |
| 187 | Phan Ngọc Giàu         | 1986                  |        | Cán sự               | Đội QLTTĐT - Huyện Bình Chánh           |                 |     |     | X  |

| STT | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                                  | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|--------------------|-----------------------|--------|------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                    |                       |        |                  |                                                                  | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 188 | Nguyễn Như Cường   | 24/5/1977             |        | Cán sự           | Phòng LĐTB&XH Huyện Bình Chánh                                   |                 | X   |     |    |
| 189 | Kim Văn Minh       | 05/6/1965             |        | Phó Trưởng phòng | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Củ Chi                           |                 |     |     | X  |
| 190 | Trần Văn Miến      | 26/5/1976             |        | Chuyên viên      | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Củ Chi                           |                 |     |     | X  |
| 191 | Phạm Thị Liên      | 15/8/1969             | X      | Chuyên viên      | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Củ Chi                           |                 |     |     | X  |
| 192 | Lê Văn Nhớ         | 21/11/1961            |        | Chuyên viên      | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Củ Chi                           |                 |     |     | X  |
| 193 | Nguyễn Thị Huyền   | 29/12/1993            | X      | Chuyên viên      | Văn phòng HĐND-UBND Huyện Củ Chi                                 |                 |     |     | X  |
| 194 | Tăng Thị Thanh Tâm | 8/9/1990              | X      | Chuyên viên      | Bệnh viện huyện Củ Chi                                           |                 |     |     | X  |
| 195 | Trần Thị Bé Tư     | 13/2/1986             | X      | Chuyên viên      | Bệnh viện huyện Củ Chi                                           |                 |     |     | X  |
| 196 | Nguyễn Thành Luân  | 20/11/1988            |        | Chuyên viên      | Thanh tra Huyện Củ Chi                                           |                 |     | X   |    |
| 197 | Lê Trọng Duận      | 8/8/1981              |        | Chuyên viên      | Đội Quản lý trật tự đô thị (Phòng Quản lý đô thị) - Huyện Củ Chi | X               |     |     |    |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                                                  | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|-------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                      |                       |        |                   |                                                                  | TL1             | TC1 | NC1 | BI |
| 198 | Trần Kim Hồng Gấm    | 29/1/1987             | X      | Chuyên viên       | Đội Quản lý trật tự đô thị (Phòng Quản lý đô thị) - Huyện Củ Chi |                 | X   |     |    |
| 199 | Hồ Thái Nam Kha      | 28/03/1974            |        | Cán sự            | Phòng Quản lý đô thị Huyện Cần Giờ                               | X               |     |     |    |
| 200 | Lưu Hồng Liên        | 14/08/1976            | X      | Chuyên viên       | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Huyện Hóc Môn             |                 |     | X   |    |
| 201 | Trần Ngọc Hoài Trinh | 21/05/1978            | X      | Chuyên viên       | Phòng Quản lý đô thị Huyện Hóc Môn                               |                 |     |     | X  |
| 202 | Bùi Ngọc Lý          | 07/04/1982            |        | Chuyên viên       | Phòng Quản lý đô thị Huyện Hóc Môn                               |                 |     |     | X  |
| 203 | Lưu Thị Thanh Nhân   | 11/01/1980            | X      | Phó Chủ tịch HĐND | UBND xã Tân Xuân - Huyện Hóc Môn                                 |                 | X   |     |    |
| 204 | Nguyễn Thị Chiến     | 10/11/1984            | X      | Tư pháp - Hộ tịch | UBND xã Tân Xuân - Huyện Hóc Môn                                 | X               |     |     |    |
| 205 | Lê Thị Gấm           | 12/10/1990            | X      | Tư pháp - Hộ tịch | UBND xã Xuân Thới Đông - Huyện Hóc Môn                           |                 |     |     | X  |
| 206 | Trần Thị Thuý Linh   | 9/7/1983              | X      | Văn hoá - Xã hội  | UBND xã Xuân Thới Đông - Huyện Hóc Môn                           |                 |     | X   |    |
| 207 | Lê Trương Hiền Hòa   | 05/02/1984            |        | Giám đốc          | Trung tâm Xúc tiến Du lịch, Sở Dục lịch                          |                 |     |     | X  |



| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ     | Đơn vị công tác                                               | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|-------------|---------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                      |                       |        |             |                                                               | TL1             | TC1 | NC1 | BI |
| 208 | Dương Thị Hoàng Yến  | 25/01/1991            | X      | Chuyên viên | Phòng Kế hoạch - Nghiên cứu Phát triển, Sở Du lịch            |                 |     |     | X  |
| 209 | Châu Vĩnh Cường      |                       |        | Chuyên viên | Trung tâm TT & CTGD, Sở GD&ĐT - Sở GD&ĐT                      |                 |     | X   |    |
| 210 | Tô Thụy Diễm Quyên   |                       | X      | Chuyên viên | Trung tâm TT & CTGD, Sở GD&ĐT - Sở GD&ĐT                      |                 | X   |     |    |
| 211 | Nguyễn Bảo Giang     | 1976                  |        | Nhân viên   | Phòng Quản lý Đào tạo, trường CĐ CN Thủ Đức - Sở GD&ĐT        |                 |     | X   |    |
| 212 | Nguyễn Thị Kim Hoàng | 1983                  | X      | Nhân viên   | Phòng Công tác chính trị - HSSV - Sở GD&ĐT                    |                 |     | X   |    |
| 213 | Lương Thanh Phượng   | 1977                  | X      | Nhân viên   | Trung tâm Đào tạo NNL & HTDN, trường CĐ CN Thủ Đức - Sở GD&ĐT |                 |     | X   |    |
| 214 | Trần Thị Tâm         | 1982                  | X      | Nhân viên   | Khoa Khoa học cơ bản<br>Trường CĐ CN Thủ Đức - Sở GD&ĐT       |                 |     | X   |    |
| 215 | Trương Thị Vân       | 1982                  | X      | Nhân viên   | Khoa Tiếng Anh, trường CĐ CN Thủ Đức - Sở GD&ĐT               |                 |     | X   |    |
| 216 | Ngô Quốc Việt        | 1972                  |        | Nhân viên   | Phòng Đảm bảo chất lượng, trường CĐ CN Thủ Đức - Sở GD&ĐT     |                 |     | X   |    |
| 217 | Đặng Mạnh Sơn        | 1987                  |        | Nhân viên   | Phòng Tổ chức - Nhân sự, trường CĐ CN Thủ Đức - Sở GD&ĐT      |                 |     | X   |    |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ             | Đơn vị công tác                                              | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|---------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |                     |                                                              | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 218 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | 1990                  | X      | Nhân viên           | Phòng Tài chính - Kế toán, trường CĐCN Thủ Đức - Số GD&ĐT    |                 |     | X   |    |
| 219 | Phạm Thị Minh Thúy    | 1987                  | X      | Nhân viên           | Phòng Quản lý Đào tạo, trường CĐ CN Thủ Đức - Số GD&ĐT       |                 |     | X   |    |
| 220 | Nguyễn Thanh Tùng     | 1981                  |        | Nhân viên           | Phòng Hành chính - Tổng hợp, trường CD CN Thủ Đức - Số GD&ĐT |                 |     | X   |    |
| 221 | Trương Thanh Loan     | 1982                  | X      | Nhân viên           | Khoa Khoa học cơ bản, trường CD CN Thủ Đức - Số GD&ĐT        |                 |     | X   |    |
| 222 | Lê Thị Ánh Nguyệt     | 1984                  | X      | Nhân viên           | Khoa Cơ khí chế tạo máy, trường CD CN Thủ Đức - Số GD&ĐT     |                 |     | X   |    |
| 223 | Nguyễn Thành Trung    | 1981                  |        | Phó Chánh Văn phòng | Văn phòng Số GD&ĐT                                           | X               |     |     |    |
| 224 | Liêu Thanh Huy        | 1973                  |        | Nhân viên           | Văn phòng Số GD&ĐT                                           |                 | X   |     |    |
| 225 | Lưu Phương Thanh Bình | 1975                  |        | Chuyên viên         | Phòng GD Tiểu học, Số GD&ĐT                                  | X               |     |     |    |
| 226 | Cao Minh Quý          |                       |        | Phó Trưởng phòng    | Phòng GD Trung học, Số GD&ĐT                                 |                 |     |     | X  |
| 227 | Mai Yến Hằng          | 1974                  | X      | Phó Trưởng phòng    | Phòng GD Mầm Non Số GD&ĐT                                    |                 | X   |     |    |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ     | Đơn vị công tác                                          | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|-------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                      |                       |        |             |                                                          | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 228 | Nguyễn Thị Mỹ Hằng   | 15/6/1988             | X      | Chuyên viên | Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở KHĐT                       |                 |     | X   |    |
| 229 | Phạm Lê Vĩnh Hằng    | 6/1/1984              | X      | Chuyên viên | Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở KHĐT                       |                 |     | X   |    |
| 230 | Nguyễn Thái Nhi      | 31/8/1993             |        | Chuyên viên | Phòng Kinh tế - Sở KHĐT                                  |                 |     | X   |    |
| 231 | Phan Thị Kim Thoa    | 1988                  | X      | Chuyên viên | Phòng Thông tin - Sở KHĐT                                |                 |     | X   |    |
| 232 | Cao Nguyễn Huỳnh Như | 7/7/1985              | X      | Chuyên viên | Thanh tra Sở KHĐT                                        |                 |     | X   |    |
| 233 | Trần Bảo Trung       | 1/12/1987             |        | Chuyên viên | Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở KHĐT                       |                 |     | X   |    |
| 234 | Phạm Văn Hiếu        | 19/5/1983             |        | Chuyên viên | Phòng Quản lý giao thông đường thủy- Sở GTVT             | X               |     |     |    |
| 235 | Đặng Thị Hồng Vân    | 02/8/1979             |        | Cán sự      | Phòng Quản lý Sát hạch và Cấp giấy phép lái xe - Sở GTVT |                 | X   |     |    |
| 236 | Lê Đức Tài           | 22/02/1984            |        | Chuyên viên | Thanh tra Sở GTVT                                        | X               |     |     |    |
| 237 | Nguyễn Thanh Cường   | 4/10/1977             |        | Cán sự      | Thanh tra Sở GTVT                                        |                 |     | X   |    |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác                             | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|----------------|---------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |                |                                             | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 238 | Hoàng Thị Oanh        | 21/9/1983             | X      | Chuyên viên    | Thanh tra Sở GTVT                           |                 | X   |     |    |
| 239 | Phạm Huy Tiến         | 05/11/1975            |        | Phó Trưởng ban | Ban QLDA Đầu tư - Khu QLGTĐT số 1 - Sở GTVT | X               |     |     |    |
| 240 | Dương Thị Bích Thủy   | 19/02/1970            | X      | Chuyên viên    | Phòng KHDТ - Khu QLGTĐT số 1 - Sở GTVT      |                 |     | X   |    |
| 241 | Bùi Đức Trúc Phương   | 24/3/1979             | X      | Chuyên viên    | Phòng KHDТ - Khu QLGTĐT số 1 - Sở GTVT      |                 |     | X   |    |
| 242 | Dương Đức Quang       | 18/3/1976             |        | Chuyên viên    | Khu QLGTĐT số 4 - Sở GTVT                   |                 | X   |     |    |
| 243 | Lê Trần Anh Vũ        | 19/10/1978            |        | Chuyên viên    | Khu QLGTĐT số 4 - Sở GTVT                   | X               |     |     |    |
| 244 | Lê Anh Đạt            | 10/9/1989             |        | Chuyên viên    | Cảng vụ Đường thủy nội địa - Sở GTVT        |                 | X   |     |    |
| 245 | Huỳnh Ngọc Phương Tâm | 18/4/1987             |        | Chuyên viên    | Cảng vụ Đường thủy nội địa - Sở GTVT        | X               |     |     |    |
| 246 | Nguyễn Văn Phương     | 20/10/1984            |        | Chuyên viên    | Cảng vụ Đường thủy nội địa - Sở GTVT        |                 | X   |     |    |
| 247 | Phạm Minh Mẫn         | 06/5/1992             |        | Chuyên viên    | Cảng vụ Đường thủy nội địa - Sở GTVT        | X               |     |     |    |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                                    | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |                  |                                                                    | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 248 | Ngô Xuân Poul         | 22/9/1979             |        | Chuyên viên      | Cảng vụ Đường thủy nội địa - Sở GTVT                               |                 | X   |     |    |
| 249 | Nguyễn Thị Nhã Nguyễn | 4/8/1984              | X      | Nhân viên        | Trung tâm quản lý điều hành Vận tải hành khách công cộng - Sở GTVT |                 |     |     | X  |
| 250 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 24/3/1975             | X      | Phó Trưởng phòng | Trung tâm quản lý điều hành Vận tải hành khách công cộng - Sở GTVT |                 |     |     | X  |
| 251 | Nguyễn Thị Nga        | 16/9/1990             | X      | Chuyên viên      | Phòng Chính sách có công Sở LĐTBXH                                 | X               |     |     |    |
| 252 | Lê Ngọc Lành          | 05/6/1984             | X      | Chuyên viên      | Chi cục Phòng chống tệ nạn XH - Sở LĐTBXH                          |                 |     |     | X  |
| 253 | Nguyễn Thị Mai Lộc    | 11/6/1974             | X      | Chuyên viên      | Trường Cao đẳng nghề Tp.HCM - Sở LĐTBXH                            |                 |     |     | X  |
| 254 | Nguyễn Thị Thu Hà     | 12/3/1988             | X      | Chuyên viên      | Trường Cao đẳng nghề Tp.HCM - Sở LĐTBXH                            |                 |     |     | X  |
| 255 | Trần Thị Thúy Hằng    | 14/5/1987             | X      | Phó Trưởng phòng | Trường Cao đẳng nghề Tp.HCM - Sở LĐTBXH                            |                 |     |     | X  |
| 256 | Nguyễn Thị Thu Hải    | 1/11/1965             | X      | Trưởng phòng     | Cơ sở xã hội Bình Triệu - Sở LĐTBXH                                |                 | X   |     |    |
| 257 | Bùi Thị Bích Uyên     | 13/9/1970             | X      | Chuyên viên      | Cơ sở xã hội Bình Triệu - Sở LĐTBXH                                | X               |     |     |    |

25

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ              | Đơn vị công tác                                           | Lớp tham dự (X) |     |     |    |   |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|----------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|---|
|     |                        |                       |        |                      |                                                           | TL1             | TC1 | NC1 | BI |   |
| 258 | Phạm Bùi Văn Nhật Phát | 27/3/1975             |        | Tổ trưởng            | Trung tâm BT - DN và TVL cho người tàn tật - Số LĐTBXH    |                 |     | X   |    |   |
| 259 | Hồ Minh Đạt            | 28/11/1980            |        | Phó Trưởng phòng     | Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phước Bình - Số LĐTBXH |                 | X   |     |    |   |
| 260 | Nguyễn Quang Huy       | 19/10/1988            |        | Chuyên viên cao đẳng | Trung tâm Dự báo NCNL và Thông tin TTLD - Số LĐTBXH       |                 |     | X   |    |   |
| 261 | Nguyễn Thanh Phương    | 02/9/1987             | X      | Chuyên viên          | Phòng Cải cách hành chính - Sở Nội vụ                     | X               |     |     |    |   |
| 262 | Nguyễn Quân            | 10/9/1985             |        | Phó trưởng trạm      | Chi cục Kiểm lâm - Sở NN&PTNT                             |                 |     |     |    | X |
| 263 | Trần Văn Lực           | 20/12/1986            |        | Phó trưởng trạm      | Chi cục Kiểm lâm - Sở NN&PTNT                             |                 |     |     |    | X |
| 264 | Lương Thị Bích Chi     | 15/10/1989            | X      | Chuyên viên          | Chi cục Thủy sản - Sở NN&PTNT                             |                 |     |     |    | X |
| 265 | Lê Hoàng Huy           | 01/5/1985             |        | Chuyên viên          | Chi cục Thủy sản - Sở NN&PTNT                             |                 |     |     |    | X |
| 266 | Huỳnh Văn Châu         | 20/3/1979             |        | Chuyên viên          | Chi cục Thủy sản - Sở NN&PTNT                             |                 |     |     |    | X |
| 267 | Phạm Văn Giang         | 07/10/1987            |        | Chuyên viên          | Chi cục Thủy lợi - Sở NN&PTNT                             |                 |     |     |    | X |
| 268 | Lê Đức Linh            | 18/11/1978            |        | Chuyên viên          | Chi cục Thủy lợi - Sở NN&PTNT                             |                 |     |     |    | X |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                     | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |                  |                                                     | TL1             | TC1 | NC1 | BI |
| 269 | Trịnh Văn Thắng       | 27/9/1980             |        | Chuyên viên      | Chi cục Thủy lợi - Sở NN&PTNT                       |                 |     |     | X  |
| 270 | Trần Thị Mai Hương    | 20/6/1982             | X      | Chuyên viên      | Chi cục Thủy lợi - Sở NN&PTNT                       |                 |     |     | X  |
| 271 | Hà Thanh Huy          | 16/6/1976             |        | Chuyên viên      | Chi cục Thú y - Sở NN&PTNT                          |                 |     | X   |    |
| 272 | Phạm Thị Thắm         | 15/2/1964             | X      | Phó Trưởng phòng | Trung tâm Khuyến nông - Sở NN&PTNT                  |                 | X   |     |    |
| 273 | Nguyễn Hồng Trang     | 20/8/1979             | X      | Trưởng phòng     | Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp - Sở NN&PTNT | X               |     |     |    |
| 274 | Phạm Thị Ánh Tuyết    | 20/7/1983             | X      | Phó Trưởng phòng | Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp - Sở NN&PTNT |                 | X   |     |    |
| 275 | Nguyễn Huỳnh Đức      | 04/5/1986             |        | Phó Trưởng phòng | Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp - Sở NN&PTNT |                 |     | X   |    |
| 276 | Hoàng Thị Phương Dung | 26/2/1987             | X      | Phó Trưởng phòng | Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp - Sở NN&PTNT |                 |     | X   |    |
| 277 | Võ Đức Duy Ân         | 29/12/1984            |        | Phó Trưởng phòng | Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp - Sở NN&PTNT |                 |     | X   |    |
| 278 | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 29/10/1976            | X      | Trưởng phòng     | Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp - Sở NN&PTNT |                 |     | X   |    |

| STT | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                               | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-------------------|-----------------------|--------|------------------|-----------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                   |                       |        |                  |                                               | TL1             | TC1 | NC1 | BI |
| 279 | Trần Thị Tuyết    | 07/8/1973             | X      | Chuyên viên      | Trung tâm<br>Công nghệ sinh học - Sở NN&PTNT  |                 |     |     | X  |
| 280 | Phan Minh Tuấn    | 03/1/1984             |        | Chuyên viên      | Trung tâm<br>Công nghệ sinh học - Sở NN&PTNT  |                 |     | X   |    |
| 281 | Võ Minh Phát      | 24/8/1985             |        | Phó Trưởng phòng | Trung tâm<br>Công nghệ sinh học - Sở NN&PTNT  |                 |     |     | X  |
| 282 | Nguyễn An Hạ      | 17/6/1983             | X      | Chuyên viên      | Chi cục TCDN - Sở Tài chính                   |                 |     | X   |    |
| 283 | Nguyễn Nhã Ca     | 10/12/1983            | X      | Chuyên viên      | Chi cục TCDN - Sở Tài chính                   |                 |     | X   |    |
| 284 | Bùi Minh Hằng     | 15/10/1984            | X      | Cán sự           | Ban Vật giá - Sở Tài chính                    | X               |     |     |    |
| 285 | Vũ Thụy Vy        | 21/10/1983            | X      | Cán sự           | Ban Vật giá - Sở Tài chính                    |                 | X   |     |    |
| 286 | Phan Thị Ngọc Tâm | 18/8/1988             | X      | Chuyên viên      | Chi cục Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính |                 |     | X   |    |
| 287 | Đoàn Trần Lê Uyên | 8/2/1990              | X      | Chuyên viên      | Phòng Quản lý Ngân sách - Sở Tài chính        |                 |     | X   |    |
| 288 | Nguyễn Mỹ Phương  | 17/01/1993            | X      | Chuyên viên      | Phòng Quản lý Ngân sách - Sở Tài chính        | X               |     |     |    |
| 289 | Nguyễn Hữu Thông  | 27/7/1988             |        | Chuyên viên      | Phòng Quản lý Ngân sách - Sở Tài chính        |                 | X   |     |    |



| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ     | Đơn vị công tác                          | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|-------------|------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                       |                       |        |             |                                          | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 290 | Nguyễn Đăng Khoa      | 03/05/1986            |        | Chuyên viên | Phòng Thẻ thao thành tích cao - Sở VH TT | X               |     |     |    |
| 291 | Ngô Nguyễn Đông Hà    | 09/12/1990            | X      | Chuyên viên | Phòng Tài chính - Sở VH TT               |                 | X   |     |    |
| 292 | Phạm Thị Diệu Huyền   | 13/5/1981             | X      | Chuyên viên | Văn phòng Sở VH TT                       | X               |     |     |    |
| 293 | Lê Thảo Long          | 27/12/1984            |        | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 3, Sở Xây dựng             |                 |     | X   |    |
| 294 | Phan Thành Công       | 08/4/1979             |        | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 3, Sở Xây dựng             |                 |     | X   |    |
| 295 | Trần Phương Bình      | 11/02/1980            |        | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 3, Sở Xây dựng             |                 |     | X   |    |
| 296 | Phan Lê Ngọc Ân       | 13/6/1969             |        | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 3, Sở Xây dựng             |                 |     | X   |    |
| 297 | Nguyễn Chiêu Nhân Trí | 17/9/1980             |        | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 3, Sở Xây dựng             |                 |     | X   |    |
| 298 | Nguyễn Chí Tâm        | 09/4/1975             |        | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 3, Sở Xây dựng             |                 |     | X   |    |
| 299 | Ngô Quang Bích        | 10/10/1962            |        | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 3, Sở Xây dựng             |                 |     | X   |    |
| 300 | Đào Thị Hương         | 31/10/1983            | X      | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 7, Sở Xây dựng             |                 |     | X   |    |
| 301 | Võ Đăng Khoa          | 17/9/1979             |        | Cán sự      | Đội TTĐB Quận 7, Sở Xây dựng             |                 |     |     | X  |

| STT | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ     | Đơn vị công tác                      | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-------------------|-----------------------|--------|-------------|--------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                   |                       |        |             |                                      | TL1             | TC1 | NC1 | BI |
| 302 | Trần Quang Nhiên  | 1/3/1966              |        | Cán sự      | Đội TTDB Quận 7, Sở Xây dựng         |                 |     | X   |    |
| 303 | Trần Ngọc Minh    | 08/6/1972             |        | Cán sự      | Đội TTDB Quận 9, Sở Xây dựng         |                 | X   |     |    |
| 304 | Nguyễn Vũ Bắc     | 10/12/1987            |        | Cán sự      | Đội TTDB Quận 9, Sở Xây dựng         | X               |     |     |    |
| 305 | Lê Xuân Trường    | 19/7/1988             |        | Chuyên viên | Đội TTDB Quận 9, Sở Xây dựng         |                 | X   |     |    |
| 306 | Nguyễn Duy Thanh  | 14/9/1980             |        | Cán sự      | Đội TTDB Quận Phú Nhuận, Sở Xây dựng |                 |     | X   |    |
| 307 | Lê Thị Doan Trang | 02/5/1979             | X      | Cán sự      | Đội TTDB Quận Phú Nhuận, Sở Xây dựng |                 |     | X   |    |
| 308 | Phạm Hồng Phi     | 03/02/1986            |        | Chuyên viên | Đội TTDB Quận Bình Tân, Sở Xây dựng  |                 |     | X   |    |
| 309 | Nguyễn Bá Hùng    | 23/5/1987             |        | Chuyên viên | Đội TTDB Quận Bình Tân, Sở Xây dựng  |                 |     |     | X  |
| 310 | Đỗ Thành Luân     | 19/10/1987            |        | Cán sự      | Đội TTDB Cần Giờ, Sở Xây dựng        |                 |     |     | X  |
| 311 | Vương Ngọc Mai    | 10/08/1983            | X      | Cán sự      | Đội TTDB Cần Giờ, Sở Xây dựng        |                 |     |     | X  |
| 312 | Huỳnh Ngọc Tuấn   | 17/04/1986            |        | Cán sự      | Đội TTDB, Cần Giờ, Sở Xây dựng       |                 |     |     | X  |

| STT | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ     | Đơn vị công tác                                                             | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|------------------|-----------------------|--------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                  |                       |        |             |                                                                             | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 313 | Nguyễn Thanh Nga | 01/10/1986            | X      | Chuyên viên | Phòng Xúc tiến đầu tư - BQL khu Công nghệ cao                               | X               |     |     |    |
| 314 | Dương Hoàng Anh  | 29/8/1988             | X      | Chuyên viên | Phòng Xúc tiến đầu tư - BQL khu Công nghệ cao                               |                 | X   |     |    |
| 315 | Huỳnh Lê Minh    | 22/4/1981             |        | Chuyên viên | Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế - BQL khu Công nghệ cao |                 |     |     | X  |
| 316 | Phan Anh Thi     | 26/9/1982             | X      | Chuyên viên | Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế - BQL khu Công nghệ cao |                 |     |     | X  |
| 317 | Trương Tấn Vỹ    | 5/11/1991             |        | Chuyên viên | Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế - BQL khu Công nghệ cao |                 |     |     | X  |
| 318 | Thái Điền Phong  | 10/5/1980             |        | Chuyên viên | Phòng Kế hoạch và Đầu tư - BQL khu Công nghệ cao                            |                 |     |     | X  |
| 319 | Hoàng Văn Thu    | 27/3/1985             |        | Chuyên viên | BQL khu tưởng niệm các Vua Hùng - BQL khu CVLS-VHDT                         | X               |     |     |    |
| 320 | Võ Quốc Trí      | 16/8/1984             |        | Chuyên viên | BQL khu tưởng niệm các Vua Hùng - BQL khu CVLS-VHDT                         |                 | X   |     |    |
| 321 | Phan Trung Hiếu  | 8/11/1978             |        | Chuyên viên | Phòng Kế hoạch Tài chính - Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao        |                 |     |     | X  |
| 322 | Huỳnh Cẩm Châu   | 31/7/1989             | X      | Chuyên viên | Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố     | X               |     |     |    |

| STT | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                                         | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|-------------------------|-----------------------|--------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                         |                       |        |                  |                                                                         | TL1             | TC1 | NC1 | BI |
| 323 | Tô Thị Vân Anh          | 5/1/2017              | X      | Chuyên viên      | Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố |                 | X   |     |    |
| 324 | Nguyễn An Thịnh         | 8/1/1980              |        | Phó Trưởng ban   | Ban Tổ chức-Đào tạo - Đài Truyền hình TP                                | X               |     |     |    |
| 325 | Lê Thị Tú Uyên          | 26/7/1981             | X      | Chuyên viên      | Văn phòng Đài Truyền hình TP                                            |                 | X   |     |    |
| 326 | Ngô Hoàng Nga           | 24/12/1974            | X      | Cán sự           | Ban Ca nhạc - Đài truyền hình TP                                        | X               |     |     |    |
| 327 | Nguyễn Thị Phương Khanh | 13/03/1987            | X      | Chuyên viên      | Văn phòng Đài Truyền hình TP                                            |                 | X   |     |    |
| 328 | Nguyễn Thị Ngọc Huyền   | 17/12/1983            | X      | Chuyên viên      | Ban Tài chính - Đài Truyền hình TP                                      | X               |     |     |    |
| 329 | Trương Khánh Toàn       | 30/9/1989             |        | Chuyên viên      | Văn phòng Đài Truyền hình TP                                            |                 | X   |     |    |
| 330 | Nguyễn Đoàn Việt Phương | 3/11/1988             |        | Chuyên viên      | Ban Kế hoạch Dự án - Đài Truyền hình TP                                 | X               |     |     |    |
| 331 | Vũ Minh Long            | 13/8/1978             |        | Chánh Văn phòng  | Văn phòng Lực lượng TNXP                                                |                 | X   |     |    |
| 332 | Lê Quang Đạt            | 10/8/1977             |        | Phó Trưởng phòng | Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Lực lượng TNXP                                | X               |     |     |    |
| 333 | Đặng Bích Thảo          | 25/10/1987            | X      | Chuyên viên      | Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương, Lực lượng TNXP                     |                 | X   |     |    |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                                         | Lớp tham dự (X) |     |     |    |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|--------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|----|
|     |                      |                       |        |              |                                                                         | TL1             | TC1 | NC1 | B1 |
| 334 | Nguyễn Hoài Nam      | 13/9/1985             |        | Chuyên viên  | Phòng Tài chính Kế toán - Lực lượng TNXP                                |                 |     | X   |    |
| 335 | Phan Sinh            | 1/10/1976             |        | Phó Giám đốc | Trung tâm Giáo dục thường xuyên TNXP - Lực lượng TNXP                   |                 |     |     | X  |
| 336 | Nguyễn Phương Oanh   | 15/02/1988            | X      | Chuyên viên  | Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 2, Thanh tra Thành phố |                 |     | X   |    |
| 337 | Đoàn Trương Bảo Ngọc | 29/09/1989            | X      | Chuyên viên  | Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 3, Thanh tra Thành phố |                 |     | X   |    |
| 338 | Lê Thị Bích Ngân     | 15/10/1990            | X      | Chuyên viên  | Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, Thanh tra Thành phố            |                 |     | X   |    |
| 339 | Nguyễn Thị Thiên Nga | 27/09/1970            | X      | Phó phòng    | Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư TP. HCM                         |                 |     |     | X  |
| 340 | Hồ Hiền Lương        | 14/03/1989            |        | Chuyên viên  | Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư TP. HCM                         |                 |     |     | X  |
| 341 | Lê Phương Anh        | 27/01/1983            |        | Chuyên viên  | Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư TP. HCM                         |                 |     |     | X  |
| 342 | Nguyễn Trường Vũ     | 20/8/1981             |        | Chuyên viên  | Phòng QLHTTN - Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập              | X               |     |     |    |
| 343 | Lý Kiều Hưng         | 11/8/1985             |        | Chuyên viên  | Phòng TCCB, Đại học Sài Gòn                                             |                 |     | X   |    |

| STT       | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ     | Đơn vị công tác                                          | Lớp tham dự (X) |     |     |     |
|-----------|------------------------|-----------------------|--------|-------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-----|-----|-----|
|           |                        |                       |        |             |                                                          | TL1             | TC1 | NC1 | BI  |
| 344       | Nguyễn Hữu Phước       | 20/9/1982             |        | Chuyên viên | Phòng TCCB, Đại học Sài Gòn.                             |                 | X   |     |     |
| 345       | Lê Thái Thùy Linh      | 01/01/1988            | X      | Chuyên viên | Phòng công nghệ thông tin - Đại học Y khoa PNT           |                 |     |     | X   |
| 346       | Nguyễn Ngọc Thủy Tiên  | 05/02/1988            | X      | Chuyên viên | Phòng công tác học sinh - sinh viên - Đại học Y khoa PNT | X               |     |     |     |
| 347       | Huỳnh Trương Xuân An   | 15/08/1980            | X      | Chuyên viên | Phòng hợp tác quốc tế - Đại học Y khoa PNT               |                 | X   |     |     |
| 348       | Ngô Minh Nhật          | 05/10/1989            |        | Chuyên viên | Phòng hợp tác quốc tế - Đại học Y khoa PNT               | X               |     |     |     |
| 349       | Nguyễn Thị Phương Thủy | 26/07/1982            | X      | Nhân viên   | Phòng hành chính quản trị - Đại học Y khoa PNT           |                 |     |     | X   |
| 350       | Lê Hồng Nhật           | 31/07/1987            |        | Chuyên viên | Phòng Nghiên cứu Quản lý đô thị - Viện NCPT              |                 | X   |     |     |
| 351       | Nguyễn Mai Anh         | 07/07/1977            | X      | Chuyên viên | Phòng Nghiên cứu Quản lý đô thị - Viện NCPT              | X               |     |     |     |
| 352       | Lê Thị Mỹ Hà           | 15/02/1977            | X      | Chuyên viên | Phòng Nghiên cứu Văn hóa xã hội - Viện NCPT              |                 | X   |     |     |
| TỔNG CỘNG |                        |                       |        |             |                                                          | 80              | 80  | 90  | 102 |

SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH